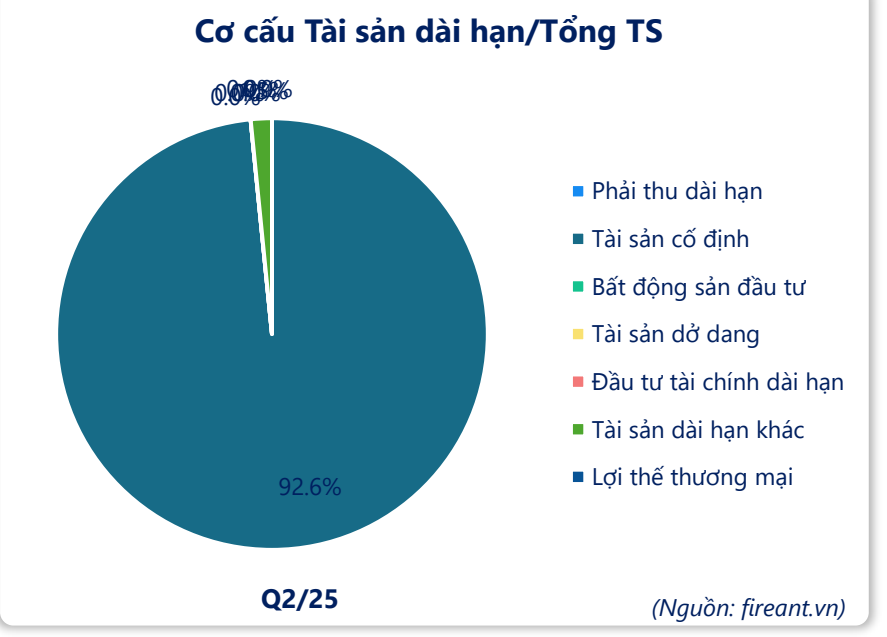
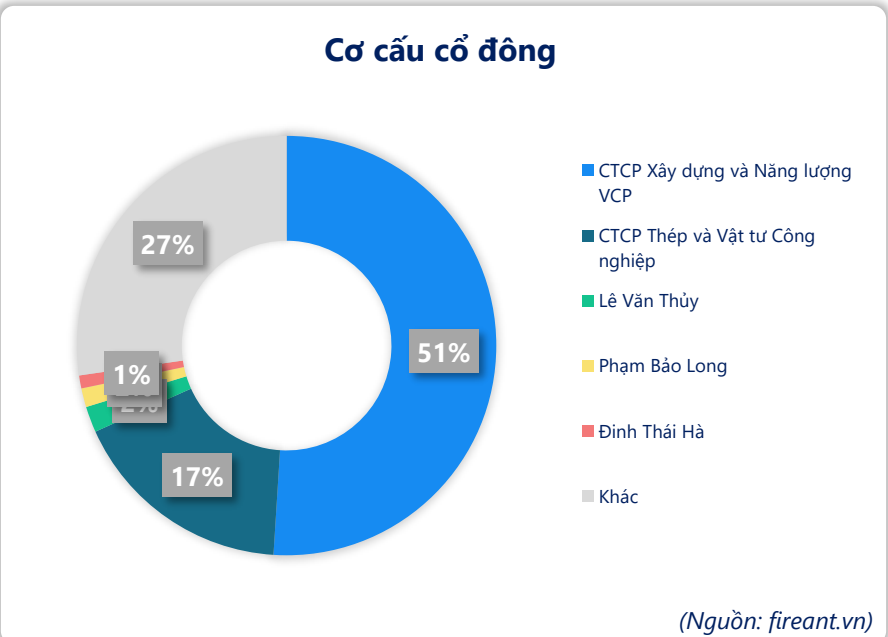
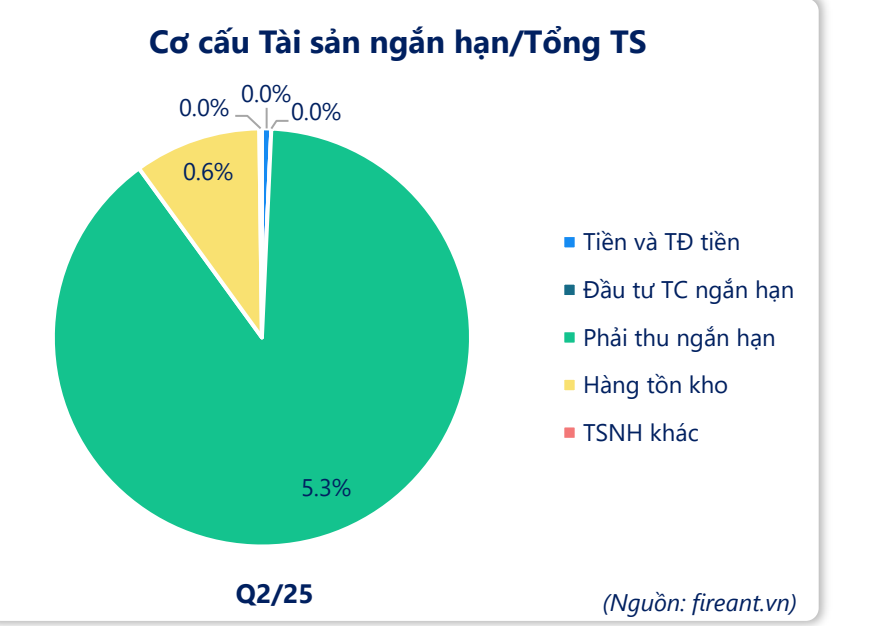
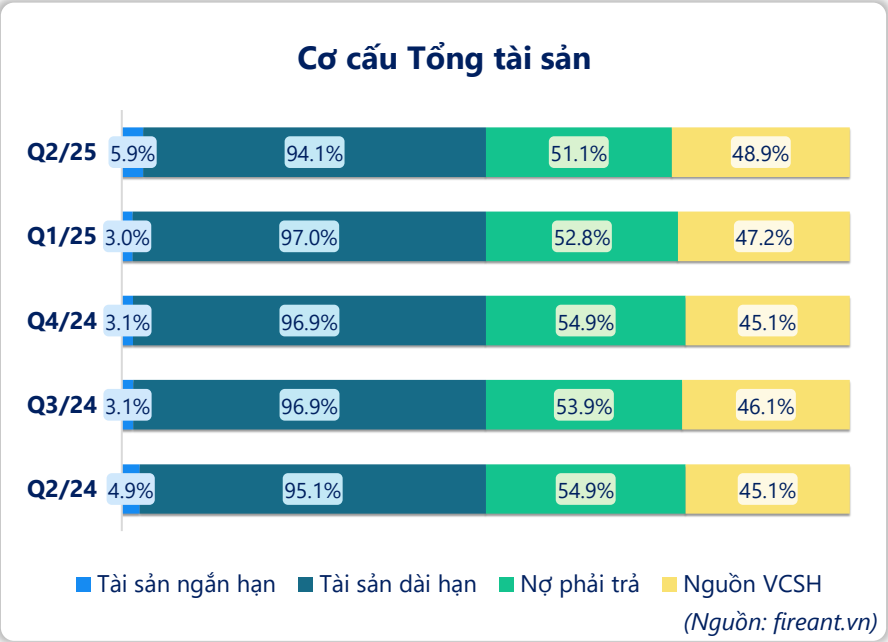
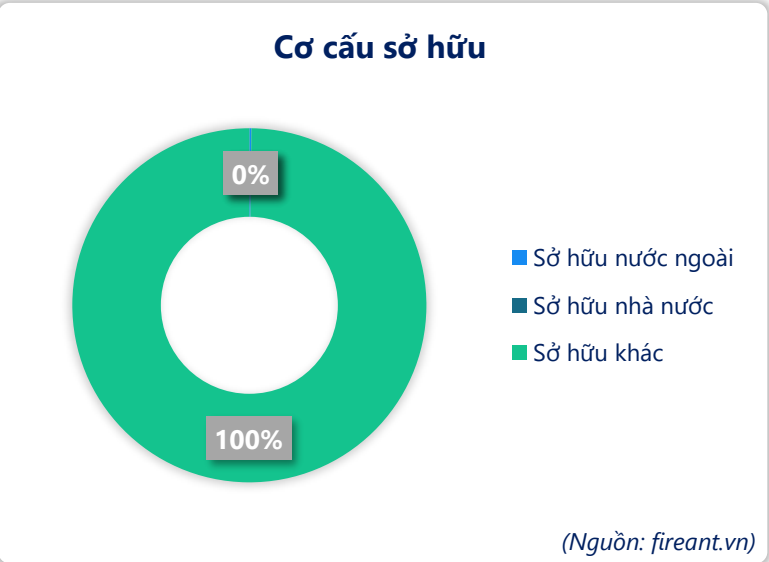
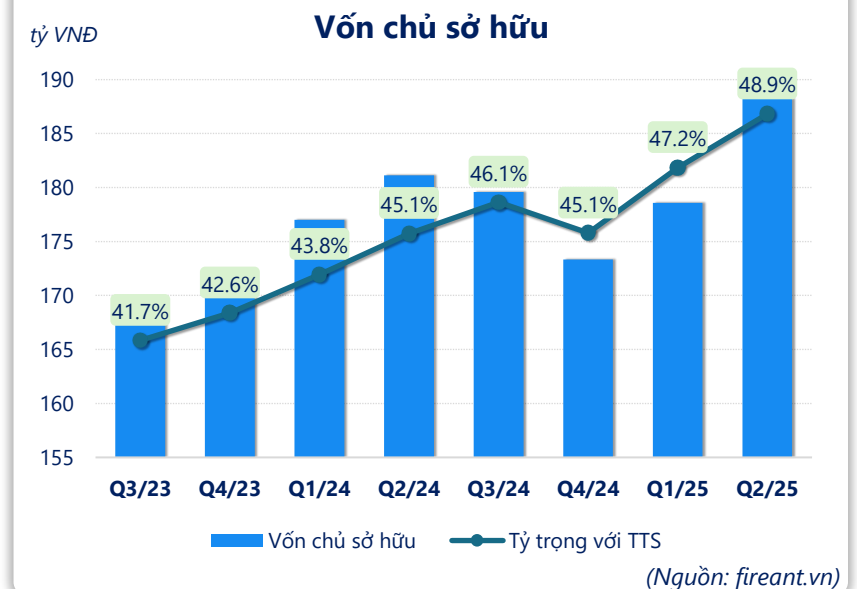
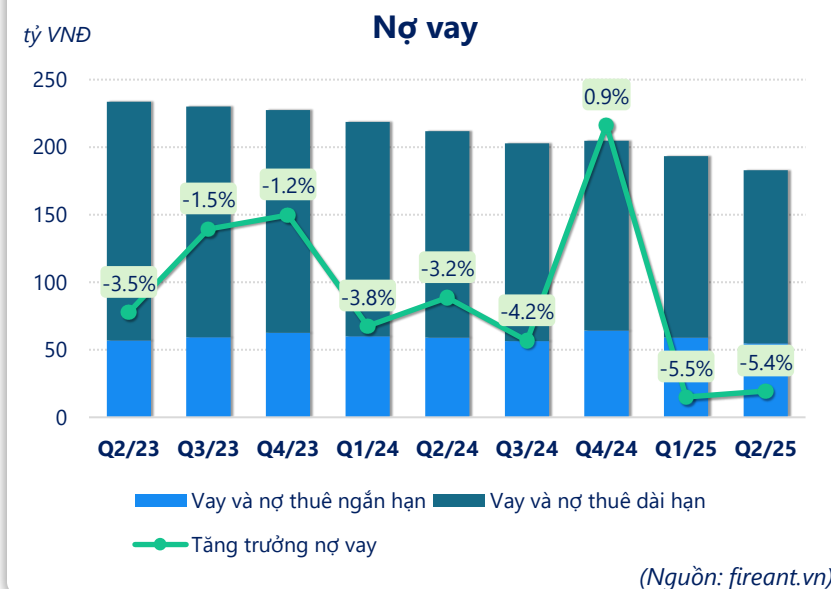
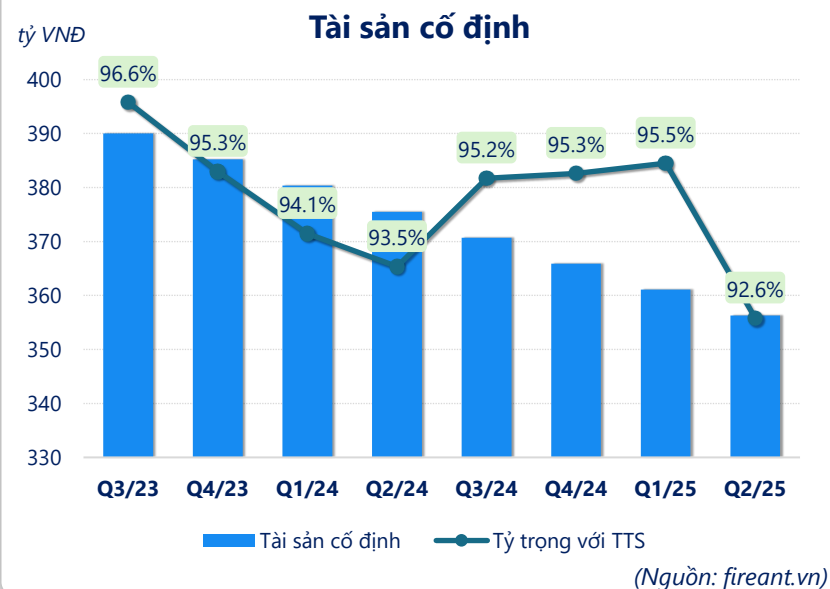
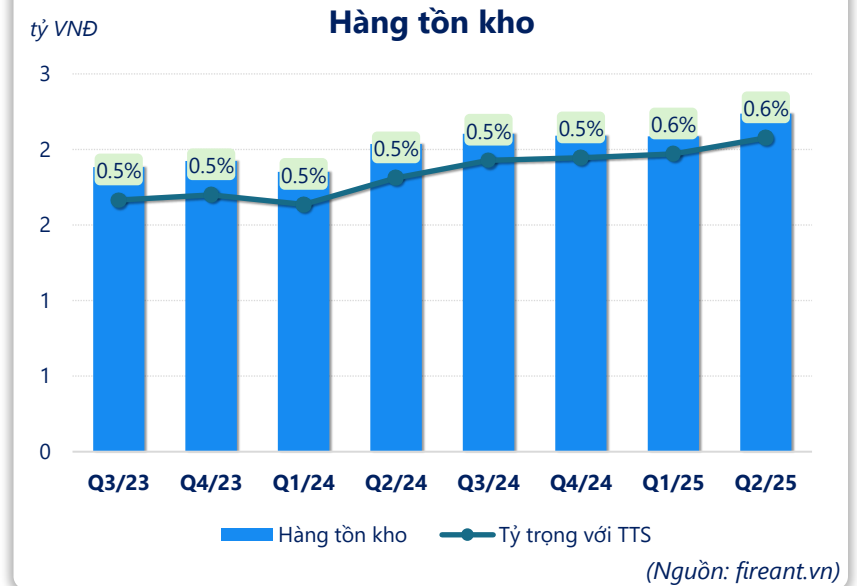
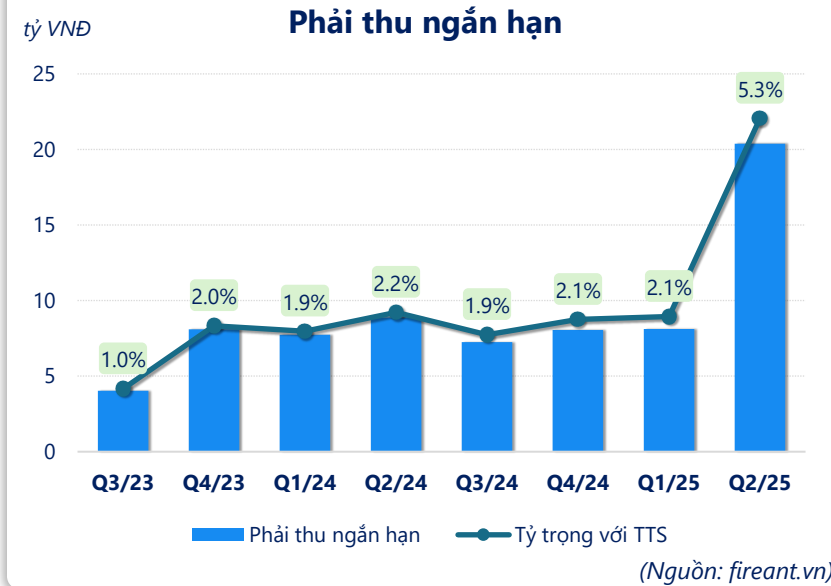
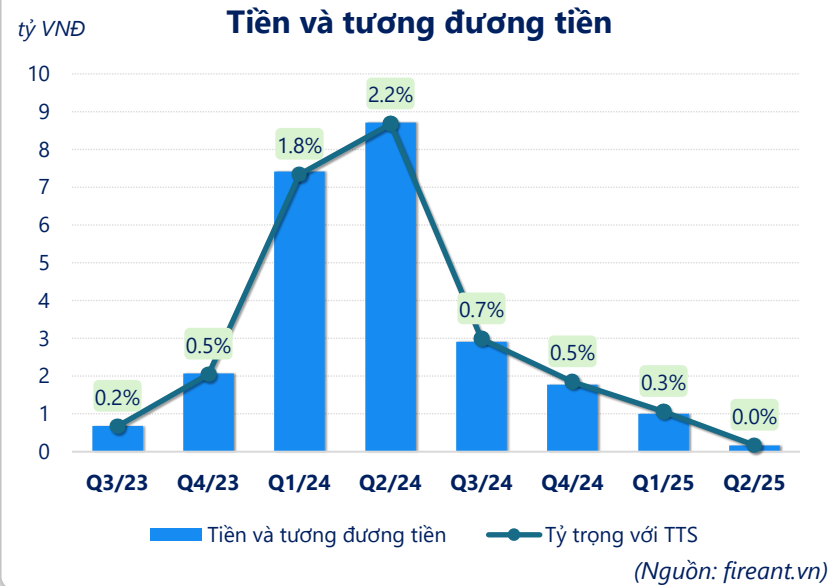
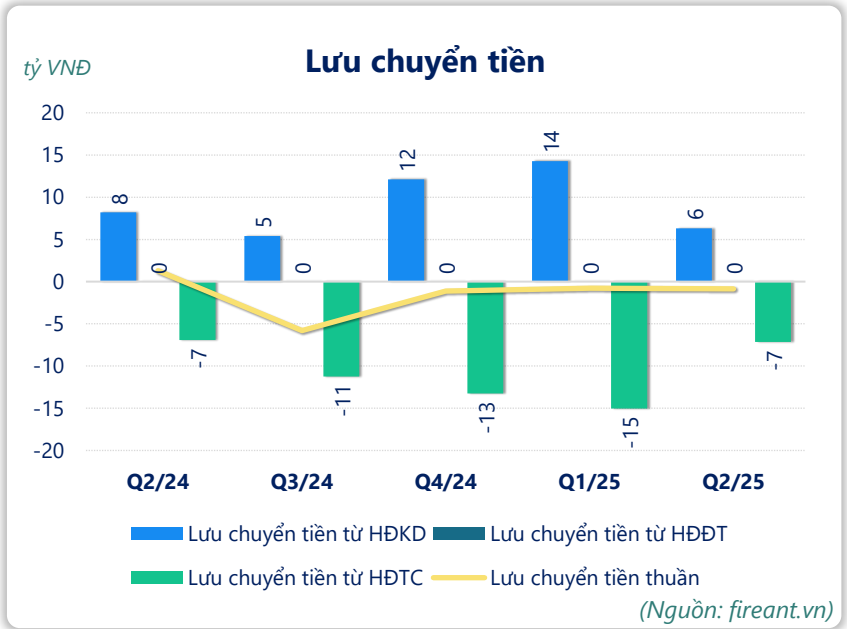
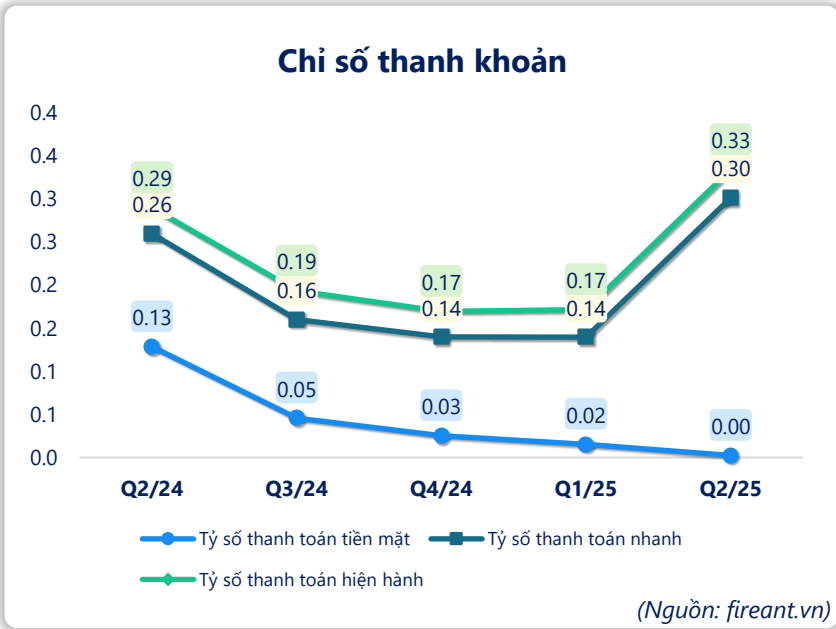
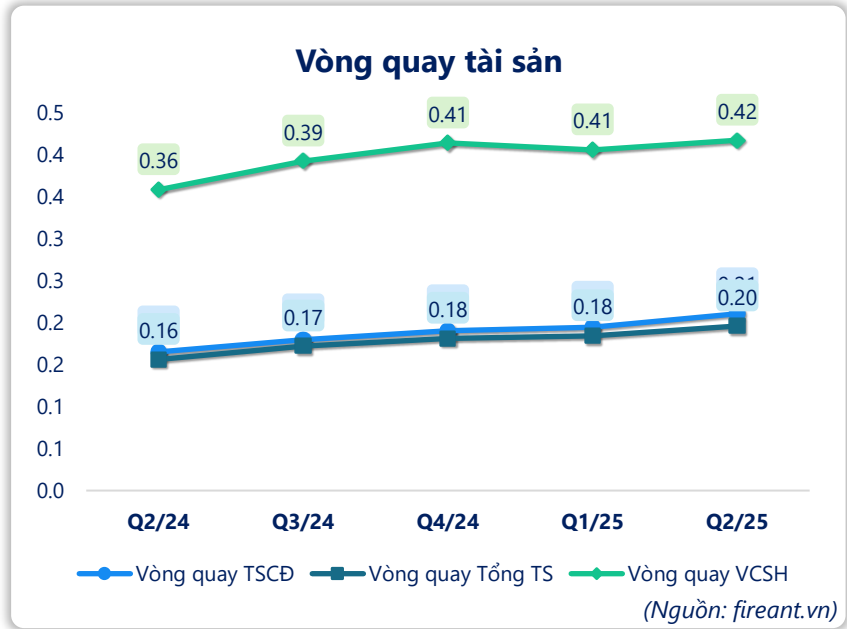
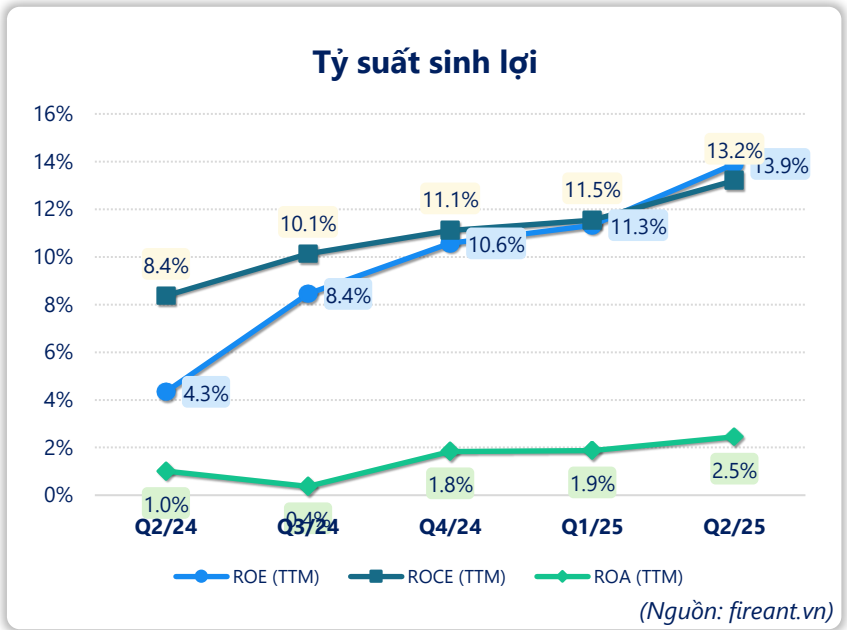
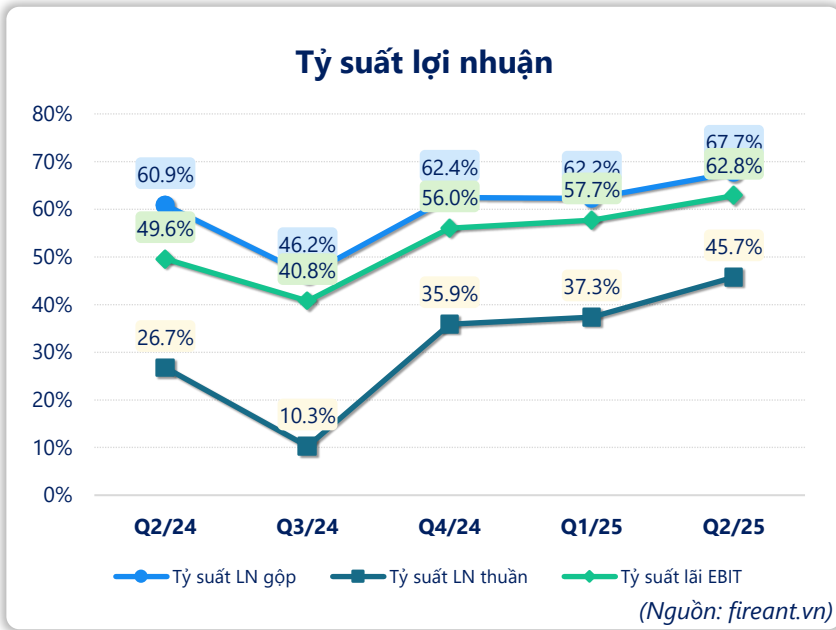
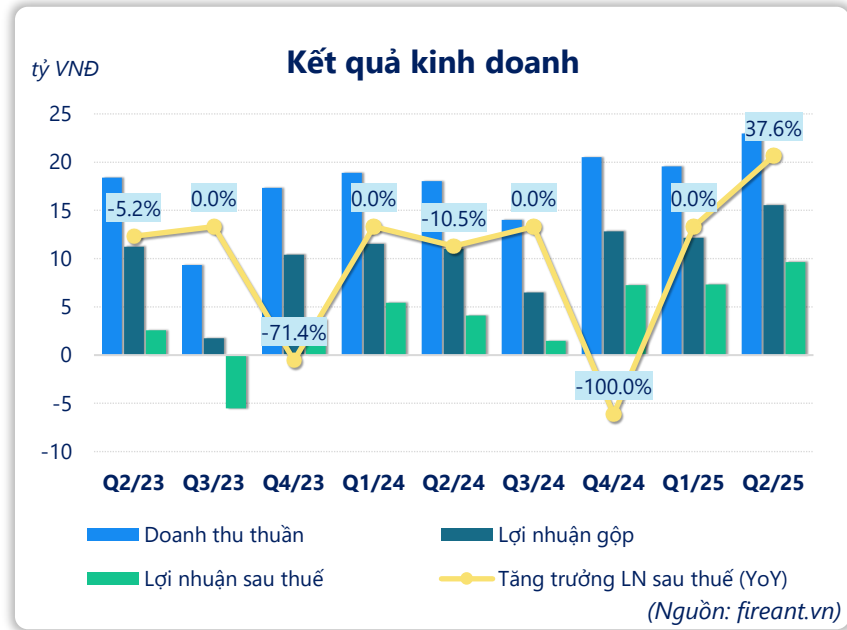


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,317
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,862
SL cổ phiếu LH		15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,820
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		233
P/E		9.1
EPS		1,711

	YTD	1T	3T	6T
XMP	8.9%	5.4%	0.2%	8.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	385	384	0.2%
Tài sản ngắn hạn	22.8	11.9	91.4%
Tiền và tương đương tiền	0.16	1.77	-90.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	20.4	8.06	153%
Hàng tồn kho	2.24	2.09	7.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0	
Tài sản dài hạn	362	372	-2.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	356	366	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	5.73	6.27	-8.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	197	211	-6.9%
Nợ ngắn hạn	68.3	70.8	-3.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	54.7	64.3	-14.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.32	0.19	1130%
Nợ dài hạn	128	140	-8.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	128	140	-8.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	188	173	8.9%
Vốn chủ sở hữu	188	173	8.9%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	18.0	14.0	20.5	19.6	23.0
Giá vốn hàng bán	7.06	7.55	7.71	7.38	7.42
Lợi nhuận gộp	11.0	6.48	12.8	12.2	15.5
Doanh thu HĐTC	0.01	0.03	0.01	0.00	0.00
Chi phí TC	4.27	4.25	4.26	3.95	4.03
Chi phí lãi vay	4.27	4.25	4.26	3.95	4.03
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.90	0.82	1.20	0.92	1.01
LN thuần từ HĐKD	4.82	1.44	7.37	7.30	10.5
Lợi nhuận khác	-0.15	0.03	-0.13	0.03	-0.10
LN trước thuế	4.67	1.47	7.24	7.33	10.4
Lợi nhuận sau thuế	4.11	1.47	7.24	7.33	9.63
LNST của CĐ cty mẹ	4.11	1.47	7.24	7.33	9.63

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.21	5.40	12.1	14.3	6.32
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.03	0.01	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.93	-11.2	-13.3	-15.0	-7.16
Tiền đầu kỳ	7.42	8.71	2.91	1.77	1.01
Lưu chuyển tiền thuần	1.29	-5.80	-1.13	-0.77	-0.84
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.71	2.91	1.77	1.01	0.16

(Nguồn: fireant.vn)